



NIEN GIAM THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

Chủ biên: GS.TS. HỒ SĨ QUÝ, ThS. PHÙNG DIỆU ANH

Số 7

Luật Biển Việt Nam

Biển Đông - ba giai đoạn, bốn thách thức, hai cách tiếp cận khu vực và một niềm tin
Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc và an ninh hàng hải khu vực biển Đông

Sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong kinh tế thị trường

Khoa học xã hội và nhân văn thời hội nhập

Khoa học xã hội trong thế giới đương đại

Hội nhập nhân văn và khoa học nhân văn

Khoa học Việt Nam: một năm nhìn lại

Khoa học qua định lượng ẩn phẩm: những xu hướng mới trong đánh giá

Chủ nghĩa hiện đại trong văn học nghệ thuật

Hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học ngành kinh tế và quản lý

Tài năng và môi trường

Tôn giáo, tín ngưỡng và đời sống tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam những năm gần đây

Kinh tế Việt Nam năm 2011

Những sự kiện của kinh tế thế giới năm 2011

Tình hình chính trị thế giới năm 2011

Nghiên cứu sử học và luật học Việt Nam năm 2011

Ngôn ngữ học và đời sống văn học Việt Nam năm 2011

Văn hóa trong quan hệ quốc tế: vấn đề ngoại giao văn hóa

Mô hình lựa chọn và sắp xếp cuộc sống gia đình của người cao tuổi

Tổng mục lục tài liệu phục vụ nghiên cứu năm 2011

Vài hình ảnh về hoạt động của Viện Thông tin Khoa học xã hội 2011-2012



VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

GS.TS. HỒ SĨ QUÝ, THS. PHÙNG ĐIỀU ANH
(Đồng chủ biên)

NIÊN GIÁM
THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI
SỐ 7

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2012

NIÊN GIÁM
THÔNG TIN
KHOA HỌC XÃ HỘI

SỐ 7

CÁC TÁC GIẢ:

GS.TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG
GS.TS. HỒ SĨ QUÝ
GS.TSKH. TRẦN NGỌC THÊM
GS.TS. TRẦN VĂN ĐOÀN
GS.TS. NGUYỄN VĂN TUẤN
TS. PHẠM THỊ LY
TS. NGUYỄN THỊ LAN ANH
PGS.TS. NGUYỄN HỒNG THAO
PGS.TS. NGUYỄN VĂN DÂN
GS.TS. NGUYỄN THỊ CÀNH
THS. NGUYỄN THỊ THANH HÒA
TRẦN NGUYỄN MỸ LINH
PHAN THỊ VÂN
THS. PHẠM QUỲNH AN
THS. NGUYỄN MẠNH HOÀNG
THS. VŨ THỊ MỸ HẠNH
THS. NGUYỄN THỊ HIỀN
PHAN THỊ THU HUYỀN
THS. ĐOÀN THỊ QUÝ
THS. TRƯƠNG TUẤN ANH
HÀ THỊ QUỲNH HOA
BÙI THỊ HỒNG

Và tập thể tác giả

Phòng Thông tin Nhà nước và Pháp luật

MỤC LỤC

♦ Luật Biển Việt Nam	7
♦ Sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong kinh tế thị trường	33
GS.TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG	
♦ Khoa học xã hội và nhân văn thời hội nhập	46
GS.TS. HỒ SĨ QUÝ	
♦ Những vấn đề của khoa học xã hội trong thế giới đương đại	68
GS.TSKH. TRẦN NGỌC THÈM	
♦ Hội nhập nhân văn và khoa học nhân văn	86
GS.TS. TRẦN VĂN ĐOÀN	
♦ Khoa học Việt Nam: Một năm nhìn lại	99
GS.TS. NGUYỄN VĂN TUẤN	
♦ Đánh giá khoa học qua định lượng ấn phẩm: Những xu hướng mới trên thế giới trong đánh giá khoa học xã hội, nghệ thuật và nhân văn	106
TS. PHẠM THỊ LY	
♦ Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc và an ninh hàng hải tại khu vực biển Đông	124
TS. NGUYỄN THỊ LAN ANH	
♦ Biển Đông - Ba giai đoạn, bốn thách thức, hai cách tiếp cận khu vực và một niềm tin	143
PGS.TS. NGUYỄN HỒNG THAO	
♦ Chủ nghĩa hiện đại trong nghệ thuật - bản chất và đặc trưng	172
PGS.TS. NGUYỄN VĂN DÂN	
♦ Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường đại học đào tạo các ngành kinh tế và quản lý theo hướng hội nhập	196
GS.TS. NGUYỄN THỊ CÀNH	
♦ Tài năng và môi trường	202
GS.TS. HỒ SĨ QUÝ	

♦	Tôn giáo, tín ngưỡng và đời sống tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam những năm gần đây	212
	THS. NGUYỄN THỊ THANH HÒA	
♦	Tổng quan tình hình kinh tế Việt Nam 2011	232
	TRẦN NGUYỄN MỸ LINH	
♦	Một số nét nổi bật trong nghiên cứu luật học năm 2011	264
	PHÒNG THÔNG TIN	
	NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	
♦	Tình hình nghiên cứu sử học năm 2011 của Việt Nam	295
	PHAN THỊ VÂN	
♦	Đời sống văn học Việt Nam năm 2011	324
	THS. PHẠM QUỲNH AN,	
	THS. NGUYỄN MẠNH HOÀNG,	
	THS. VŨ THỊ MỸ HẠNH	
♦	Vài nét nổi bật về tình hình ngôn ngữ học trong nước năm 2011	355
	ThS. NGUYỄN THỊ HIỀN	
♦	Tình hình chính trị thế giới năm 2011	378
	PHAN THỊ THU HUYỀN,	
	ThS. ĐOÀN THỊ QUÝ	
♦	Những sự kiện nổi bật của kinh tế thế giới năm 2011	421
	ThS. TRƯƠNG TUẤN ANH	
♦	Văn hóa trong quan hệ quốc tế: Vấn đề ngoại giao văn hóa	459
	HÀ THỊ QUỲNH HOA	
♦	Mô hình lựa chọn và sắp xếp cuộc sống gia đình hiện nay của người cao tuổi ở Việt Nam	487
	BÙI THỊ HỒNG	
♦	Tổng mục lục bản tin phục vụ nghiên cứu năm 2011	511
♦	Vài hình ảnh về hoạt động của Viện Thông tin Khoa học xã hội 2011 - 2012	521

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Luật số:

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

18/2012/QH13

**LUẬT
BIỂN VIỆT NAM**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Quốc hội ban hành Luật biển Việt Nam.

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển; quản lý và bảo vệ biển, đảo.

Điều 2. Áp dụng pháp luật

1. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này với quy định của luật khác về chủ quyền, chế độ pháp lý của vùng biển Việt Nam thì áp dụng quy định của Luật này.

2. Trường hợp quy định của Luật này khác với quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vùng biển Việt Nam* bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp

lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

2. *Vùng biển quốc tế* là tất cả các vùng biển nằm ngoài vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam và các quốc gia khác, nhưng không bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển.

3. *Tàu thuyền* là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm tàu, thuyền và các phương tiện khác có động cơ hoặc không có động cơ.

4. *Tàu quân sự* là tàu thuyền thuộc lực lượng vũ trang của một quốc gia và mang dấu hiệu bên ngoài thể hiện rõ quốc tịch của quốc gia đó, do một sĩ quan hải quân phục vụ quốc gia đó chỉ huy, người chỉ huy này có tên trong danh sách sĩ quan hay trong một tài liệu tương đương; được điều hành bởi thủy thủ đoàn hoạt động theo các điều lệnh kỷ luật quân sự.

5. *Tàu thuyền công vụ* là tàu thuyền chuyên dùng để thực hiện các công vụ của Nhà nước không vì mục đích thương mại.

6. *Tài nguyên* bao gồm tài nguyên sinh vật và tài nguyên phi sinh vật thuộc khối nước, đáy và lòng đất dưới đáy biển.

7. *Đường đẳng sâu* là đường nối liền các điểm có cùng độ sâu ở biển.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý và bảo vệ biển

1. Quản lý và bảo vệ biển được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc và các điều ước quốc tế khác mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Các cơ quan, tổ chức và mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo và quần đảo, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

3. Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

Điều 5. Chính sách quản lý và bảo vệ biển

1. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và thực hiện các biện pháp cần thiết bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo và quần đảo, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, phát triển kinh tế biển.

2. Xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ các vùng biển, đảo và quần đảo một cách bền vững phục vụ mục tiêu xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư lao động, vật tư, tiền vốn và áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ vào việc sử dụng, khai thác, phát triển kinh tế biển, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, phát triển bền vững các vùng biển phù hợp với điều kiện của từng vùng biển và bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh; tăng cường thông tin, phổ biến về tiềm năng, chính sách, pháp luật về biển.

4. Khuyến khích và bảo vệ hoạt động thủy sản của ngư dân trên các vùng biển, bảo hộ hoạt động của tổ chức, công dân Việt Nam ngoài các vùng biển Việt Nam phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, pháp luật quốc tế, pháp luật của quốc gia ven biển có liên quan.

5. Đầu tư bảo đảm hoạt động của các lực lượng làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trên biển, nâng cấp cơ sở hậu cần phục vụ cho các hoạt động trên biển, đảo và quần đảo, phát triển nguồn nhân lực biển.

6. Thực hiện các chính sách ưu tiên đối với nhân dân sinh sống trên các đảo và quần đảo; chế độ ưu đãi đối với các lực lượng tham gia quản lý và bảo vệ các vùng biển, đảo và quần đảo.

Điều 6. Hợp tác quốc tế về biển

1. Nhà nước đẩy mạnh hợp tác quốc tế về biển với các nước, các

tổ chức quốc tế và khu vực trên cơ sở pháp luật quốc tế, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, các bên cùng có lợi.

2. Nội dung hợp tác quốc tế về biển bao gồm:

a) Điều tra, nghiên cứu biển, đại dương; ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ;

b) Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và cảnh báo thiên tai;

c) Bảo vệ đa dạng sinh học biển, hệ sinh thái biển;

d) Phòng chống ô nhiễm môi trường biển, xử lý chất thải từ hoạt động kinh tế biển, ứng phó sự cố tràn dầu;

đ) Tìm kiếm, cứu nạn trên biển;

e) Phòng, chống tội phạm trên biển;

g) Khai thác bền vững tài nguyên biển, phát triển du lịch biển.

Điều 7. Quản lý nhà nước về biển

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về biển trong phạm vi cả nước.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về biển.

CHƯƠNG II VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Điều 8. Xác định đường cơ sở

Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là đường cơ sở thẳng đã được Chính phủ công bố. Chính phủ xác định và công bố đường cơ sở ở những khu vực chưa có đường cơ sở sau khi được Uỷ ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Điều 9. Nội thủy

Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.